

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GAP HUY HOÀNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT GAP HUY HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GAP HUY HOANG PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GAP HUY HOÀNG CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107550648

3. Ngày thành lập: 31/08/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ngõ 6 thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974141374

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
3.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
4.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
5.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
6.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
7.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
8.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
9.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
10.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
11.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
12.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
13.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
14.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
15.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
16.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
17.	Vận tải đường ống	4940
18.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
19.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
20.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
22.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26.	Bán buôn tổng hợp	4690
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
33.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
34.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
35.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
36.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
37.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
38.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
39.	Xây dựng nhà các loại	4100
40.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
41.	Xây dựng công trình công ích	4220
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
49.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
51.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn gạo	4631
54.	Bán buôn thực phẩm	4632

55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
63.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
64.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
65.	Vận tải bằng xe buýt	4920
66.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
70.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
71.	Quảng cáo	7310
72.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
73.	Cho thuê xe có động cơ	7710
74.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
75.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
76.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

6. Vốn điều lệ: 800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHÙNG ĐỨC AN	Khu tập thể Nhà máy M1, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	50,000	111625682	

2	CHU HUNG GIÁP	Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	50,000	111882538	
---	------------------	---	-------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG ĐỨC AN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/08/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111625682*

Ngày cấp: *07/05/2009*

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu tập thể Nhà máy MI, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Dãy 6, thôn An bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội